



**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 12 tháng 5 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Bà Trần Quế Trang	Thành viên
Ông Henry Chung	Thành viên
Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên
Ông Lê Quang Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc Thường trực (từ ngày 4 tháng 11 năm 2016)
	Phó Tổng Giám đốc Tài chính (đến ngày 3 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 11 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban
Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 85 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 9 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 85.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

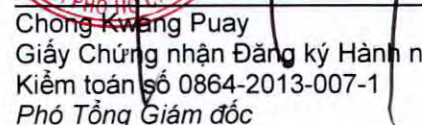
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5 của báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả rằng giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai) tại ngày mua được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này chỉ có thể xác định một cách tạm thời. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh*, Nhóm Công ty đã kế toán cho giao dịch hợp nhất kinh doanh bằng cách sử dụng các giá trị tạm thời đó. Sau khi hoàn tất việc phân bổ giá mua, Nhóm Công ty sẽ điều chỉnh hồi tố đối với những giá trị tạm thời này trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua bằng cách điều chỉnh lại thông tin so sánh của kỳ trước. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-183-1




Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2017

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.575.742.817.686	3.746.795.399.037
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	753.424.483.718	519.674.944.557
Tiền	111		206.024.483.718	437.074.944.557
Các khoản tương đương tiền	112		547.400.000.000	82.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	554.438.911.770	131.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		32.188.911.770	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		522.250.000.000	131.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.017.695.919.372	1.622.611.542.866
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	811.189.045.470	532.514.083.594
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	1.197.531.387.808	500.867.125.679
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	623.292.000.000	425.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	406.899.356.096	182.270.312.615
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(21.215.870.002)	(18.339.979.022)
Hàng tồn kho	140	14	2.121.562.539.533	1.412.244.897.765
Tài sản ngắn hạn khác	150		128.620.963.293	61.264.013.849
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	95.145.964.446	28.622.898.022
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.763.950.223	31.345.134.879
Thuế phải thu Nhà nước	153	26(b)	1.711.048.624	1.295.980.948
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.096.061.620.110	2.226.192.392.980
Các khoản phải thu dài hạn	210		166.627.301.670	191.701.675.824
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	39.047.144.338	19.747.297.824
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	117.000.000.000	165.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.580.157.332	6.954.378.000
Tài sản cố định	220		3.094.011.400.800	1.368.449.713.470
Tài sản cố định hữu hình	221	16	2.998.552.369.297	1.284.812.433.183
<i>Nguyên giá</i>	222		3.722.258.104.721	1.851.015.238.005
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(723.705.735.424)	(566.202.804.822)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	66.260.603.113	63.692.309.778
<i>Nguyên giá</i>	225		72.925.352.666	65.806.692.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.664.749.553)	(2.114.382.345)
Tài sản cố định vô hình	227	18	29.198.428.390	19.944.970.509
<i>Nguyên giá</i>	228		43.602.591.002	34.357.757.765
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(14.404.162.612)	(14.412.787.256)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Bất động sản đầu tư	230	19	56.087.729.132	59.092.428.908
<i>Nguyên giá</i>	231		60.093.995.500	60.093.995.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(4.006.266.368)	(1.001.566.592)
Tài sản dở dang dài hạn	240		199.105.674.049	120.567.157.794
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	199.105.674.049	120.567.157.794
Đầu tư tài chính dài hạn	250	21	207.818.307.280	288.819.751.053
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		190.238.171.280	96.108.096.319
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.580.136.000	192.711.654.734
Tài sản dài hạn khác	260		1.372.411.207.179	197.561.665.931
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	934.701.028.154	147.820.030.015
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	9.565.969.828	4.561.514.910
Lợi thế thương mại	269	23	428.144.209.197	45.180.121.006
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.671.804.437.796	5.972.987.792.017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.720.004.899.781	3.832.763.699.679
Nợ ngắn hạn	310		5.952.394.135.684	3.192.388.996.268
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	355.229.349.172	375.919.715.308
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	224.341.733.693	74.417.564.332
Thuế phải nộp Nhà nước	313	26(a)	42.686.512.455	14.182.472.481
Phải trả người lao động	314		27.329.745.877	42.241.938.567
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27	151.648.826.949	43.313.667.761
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.705.083.336	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	28	131.127.638.078	83.923.641.509
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	4.968.805.083.619	2.524.684.378.266
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	30	49.520.162.505	33.705.618.044
Nợ dài hạn	330		1.767.610.764.097	640.374.703.411
Phải trả dài hạn khác	337		99.000.000	109.000.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	1.601.595.981.870	635.913.322.611
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	163.915.782.227	3.352.380.800
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.000.000.000	1.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.951.799.538.015	2.140.224.092.338
Vốn chủ sở hữu	410	31	3.951.799.538.015	2.140.224.092.338
Vốn cổ phần	411	32	2.978.744.490.000	1.295.111.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		72.859.283.000	461.712.700.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(3.676.557.131)	336.806.622
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	209.781.967.040	164.946.980.894
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	34	18.257.175.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421		413.296.620.394	209.743.513.798
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		184.355.244.119	13.152.652.380
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		228.941.376.275	196.590.861.418
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		262.536.559.712	8.372.111.024
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.671.804.437.796	5.972.987.792.017

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:


 Đỗ Thị Thủy Tiên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Ngô Thị Thanh Hằng
 Kế toán trưởng


 Trần Quốc Thảo
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	5.392.747.813.976	4.388.304.573.122
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	45.475.744.625	22.017.976.642
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	36	5.347.272.069.351	4.366.286.596.480
Giá vốn hàng bán	11	37	4.709.132.319.324	3.764.194.583.074
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		638.139.750.027	602.092.013.406
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	313.011.591.588	68.093.642.215
Chi phí tài chính	22	39	237.049.526.942	123.741.662.266
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>222.660.666.340</i>	<i>112.614.495.163</i>
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	24	21	14.034.222.161	5.379.902.948
Chi phí bán hàng	25	40	175.422.011.821	106.191.522.424
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	204.508.092.971	154.874.850.106
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		348.205.932.042	290.757.523.773
Thu nhập khác	31	42	5.835.624.203	9.276.333.037
Chi phí khác	32		4.934.289.914	3.946.632.938
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		901.334.289	5.329.700.099
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		349.107.266.331	296.087.223.872
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	58.396.806.259	49.287.635.053
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	44	(2.679.232.016)	(1.500.773.873)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		293.389.692.088	248.300.362.692

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	293.389.692.088	248.300.362.692
Phân bổ:			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	303.488.413.596	247.928.487.392
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(10.098.721.508)	371.875.300
Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 45	1.364	1.578

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng



Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	số	minh	30/6/2017	30/6/2016
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		349.107.266.331	296.087.223.872
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		191.024.383.576	127.365.426.816
Các khoản dự phòng	03		2.086.559.022	664.952.551
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.458.906.569	225.633.513
Giá trị còn lại của tài sản cố định xóa sổ	05		644.656.836	316.725.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(2.282.381.935)	(6.851.282.353)
Thu nhập tiền lãi	05		(118.997.040.394)	(64.227.284.130)
Phần lãi trong các công ty liên kết	05		(14.034.222.161)	(5.379.902.948)
Thu nhập cổ tức	05		(423.418.000)	(627.704.000)
Lãi/(lỗ) từ thanh lý các khoản đầu tư	05		(180.776.988.866)	1.928.640.000
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(7.727.118.628)	-
Thu nhập tài chính từ hợp nhất kinh doanh	05		-	(2.169.648.650)
Chi phí lãi vay	06		222.660.666.340	112.614.495.163
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		442.741.268.690	459.947.274.834
Biến động các khoản phải thu	09		(951.154.278.544)	89.044.746.570
Biến động hàng tồn kho	10		(444.293.730.201)	(617.839.247.125)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(212.682.490.258)	174.197.067.132
Biến động chi phí trả trước	12		(99.416.677.975)	(104.796.219.664)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(32.188.911.770)	-
			(1.296.994.820.058)	553.621.747
Tiền lãi vay đã trả	14		(210.885.966.861)	(106.501.290.440)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.976.654.529)	(59.490.681.940)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(30.310.669.710)	(29.571.771.118)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.570.168.111.158)	(195.010.121.751)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	số	minh	30/6/2017	30/6/2016
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(528.169.663.813)	(177.031.454.672)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		10.313.781.394	93.888.388.228
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.170.706.480.000)	(1.054.400.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		629.464.480.000	557.021.461.456
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(88.140.384.077)	(84.661.897.300)
Tiền chi mua các công ty con, trừ số dư tiền của công ty con được mua (Thuyết minh 5)	25		(788.958.057.135)	(8.861.363.765)
Tiền thu thuần từ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con (Thuyết minh 6)	26		21.631.953.809	-
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26		463.486.357.600	2.250.000.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27		74.186.702.710	58.046.535.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.376.891.309.512)	(613.748.330.878)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thuần thu từ phát hành cổ phiếu, trừ chi phí phát hành	31		1.294.711.993.000	61.191.000.000
Tiền thu từ vốn góp vào công ty con của cổ đông không kiểm soát	31		-	2.400.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		8.562.962.213.189	5.558.040.817.345
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.668.028.850.432)	(4.266.051.672.184)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(14.583.878.506)	(5.136.994.868)
Tiền trả cổ tức	36		(479.184.600)	(61.634.410.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.174.582.292.651	1.288.808.739.993
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		227.522.871.981	480.050.287.364
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		519.674.944.557	39.259.307.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(32.800.707)	28.542.755
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	61		6.259.467.887	336.806.622
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	753.424.483.718	519.674.944.557

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng




Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty” hoặc “BHS”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và được chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006. Sau ngày 30 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 8 năm 2017. Việc hủy niêm yết cổ phiếu được trình bày ở Thuyết minh 48.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và bán điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-001 cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 9 năm 2016, đặt tại số 561A, Đường Trần Phú, Ấp Tân Phước, Xã Tân Bình, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường TTC Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-009 cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 21 tháng 9 năm 2016, đặt tại Ấp 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, đặt tại Ấp Thanh Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận văn phòng đại diện số 3600495818-012 cấp ngày 8 tháng 9 năm 2014, thay đổi lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2017, đặt tại số 512, Đường Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty có 10 công ty con và 2 công ty liên kết (1/7/2016: 8 công ty con và 2 công ty liên kết), như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2017	1/7/2016
<i>Các công ty con</i>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa (“NHS”)	Sản xuất đường và các phụ phẩm khác từ mía; sản xuất điện; kinh doanh vật tư nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 11 năm 2015.	100%	100%
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	91,59%	66,97%
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Ninh Hòa (i)	Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	100%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company	Kinh doanh đường, các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.	Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%	100%

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2017	1/7/2016
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (“PRS”)	Sản xuất và kinh doanh đường và các phụ phẩm khác từ mía; nước giải khát; thức ăn gia súc và sản phẩm nông nghiệp; và phân bón hữu cơ.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4500138596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 1 năm 2016.	94,51%	94,51%
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu; kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống.	Giấy phép Kinh doanh số 0313733213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 4 năm 2016.	98%	98%
Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (“TTC Attapeu”)) (ii)	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900764381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 1 năm 2011.	60%	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (ii) (“Attapeu”)	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía.	Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 3979/PĐK do Cục thương mại thuộc Bộ công thương của Lào cấp ngày 1 tháng 11 năm 2011.	60%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Xuất Nhập khẩu Kon Tum	Sản xuất đường, sản xuất hoá chất cơ bản, trồng cây mía, cao su, cây lấy dầu, cây hàng năm khác, sản xuất truyền tải và phân phối điện.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6101213950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 23 tháng 11 năm 2016.	100%	-
Công ty TNHH Hải Vi (iii)	Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	1%	100%

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2017	1/7/2016
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long (iv)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	38,00%	38,00%
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh đường, sản và cao su.	Giấy phép Kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007.	43,20%	26,49%

- (i) Ngày 9 tháng 5 năm 2016, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa đã quyết định thanh lý 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa. Tại ngày lập báo cáo này, công ty đang tìm đối tác để chuyển nhượng khoản đầu tư này.
- (ii) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 19 tháng 5 năm 2017 đã phê duyệt cho Công ty mua lại 60% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (hiện nay là Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu) với số tiền là 798 tỷ VND. Tại ngày mua, Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và công ty con sở hữu 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu. Việc mua lại này đã hoàn thành trong tháng 5 năm 2017 (Thuyết minh 5).
- (iii) Ngày 16 tháng 9 năm 2016, Công ty đã thanh lý 99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Hải Vi cho một bên liên quan với số tiền là 21,9 tỷ VND (Thuyết minh 6).
- (iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long và công ty này vẫn chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty có 2.559 nhân viên (1/7/2016: 1.872 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã mua lại 60% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (hiện nay là Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu) với giá trị khoản đầu tư là 798 tỷ VND để mở rộng vùng nguyên liệu tại Lào và tăng công suất ép mía và sản xuất đường của Nhóm Công ty. Theo đó, các khoản mục tài sản và nợ phải trả đã tăng lên đáng kể trong năm (Thuyết minh 5).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Nhóm Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát cần xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Nhóm Công ty không kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Chính sách kế toán cho dự phòng các khoản phải thu quá hạn của Nhóm Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 19 đến 48 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 15 năm.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	20 năm
▪ nhà cửa	20 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí phát triển nông trường mía

Giá trị hợp lý của chi phí phát triển nông trường mía có được từ hợp nhất kinh doanh được tạm thời xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội qua nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính còn lại của quyền sử dụng đất liên quan là 44 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 năm đến 50 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ theo nghị quyết của cổ đông tại các đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(t) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của cổ đông tại các đại hội cổ đông hàng năm.

(u) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào số lượng điện đã cung cấp và giá bán thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(w) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(x) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(y) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

(z) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(aa) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam. Mặc dù, công ty con, Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu được thành lập và hoạt động tại Lào, doanh thu của công ty con này chủ yếu được thực hiện với các khách hàng là các công ty Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh

Mua Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (“TTC Attapeu”) (trước đây là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai)

Trong tháng 5 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 60% lợi ích vốn chủ sở hữu trong TTC Attapeu với giá trị khoản đầu tư là 798 tỷ VND. Việc mua lại có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý tại ngày mua VND
Tiền	9.041.942.865	-	9.041.942.865
Phải thu ngắn hạn của khác hàng	1.690.370.339	-	1.690.370.339
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.261.760.662	-	2.261.760.662
Phải thu ngắn hạn khác	3.872.627.485	-	3.872.627.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(792.321.852)	-	(792.321.852)
Hàng tồn kho	226.343.136.160	43.590.894.557	269.934.030.717
Chi phí trả trước ngắn hạn	21.190.960.921	-	21.190.960.921
Tài sản cố định hữu hình	1.690.431.235.523	46.579.427.001	1.737.010.662.524
Xây dựng cơ bản dở dang	42.051.732.890	-	42.051.732.890
Chi phí trả trước dài hạn	268.623.310.119	482.633.156.595	751.256.466.714
Vay ngắn hạn	(991.048.920.350)	-	(991.048.920.350)
Phải trả người bán ngắn hạn	(249.735.570.013)	-	(249.735.570.013)
Người mua trả tiền trước	(131.188.988.912)	-	(131.188.988.912)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(42.024.434)	-	(42.024.434)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(108.607.600.778)	(49.630.577.747)	(158.238.178.525)
Phải trả ngắn hạn khác	(133.920.399.448)	-	(133.920.399.448)
Vay dài hạn	(508.983.643.728)	-	(508.983.643.728)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	141.187.607.449	523.172.900.406	664.360.507.855
Tài sản thuần được mua lại			398.616.304.713
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 23)			399.383.695.287
Thanh toán bằng tiền cho việc mua lại			798.000.000.000
Khoản tiền thu được			9.041.942.865
Khoản tiền thanh toán thuần			788.958.057.135

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu tại ngày mua trình bày trong thuyết minh này chỉ có thể xác định một cách tạm thời vào cuối kỳ kế toán năm. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – *Hợp nhất kinh doanh*, Nhóm Công ty đã kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh bằng cách sử dụng giá trị tạm thời. Sau khi hoàn tất việc phân bổ giá mua, Nhóm Công ty sẽ điều chỉnh hồi tố đối với những giá trị tạm thời này trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua bằng cách điều chỉnh lại thông tin so sánh của kỳ trước.

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Tổng Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất hoạt động kinh doanh mua lại vào hoạt động kinh doanh hiện tại của Nhóm Công ty.

Trong giai đoạn từ ngày mua tới ngày 30 tháng 6 năm 2017, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 32 tỷ VND doanh thu và 24 tỷ VND lỗ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017, giữa Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”), Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và Công ty và thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, HNG cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và Chính phủ Việt Nam) phát sinh trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Thanh lý khoản đầu tư

Tại ngày 16 tháng 9 năm 2016, Nhóm Công ty đã chuyển nhượng 99% lợi ích vốn chủ sở hữu tại công ty con, Công ty TNHH Hải Vi cho một bên liên quan. Việc thanh lý này có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày thanh lý như sau:

	Tại ngày thanh lý VND
Tiền	342.742.275
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	575.448.663
Hàng tồn kho	4.910.119.150
Tài sản ngắn hạn khác	965.060.130
Tài sản cố định hữu hình – thuần	248.544.841
Tài sản cố định vô hình – thuần	212.808.489
Lợi thế thương mại – thuần	7.725.505.597
Phải trả người bán ngắn hạn	(444.590.235)
Thuế phải nộp Nhà nước	(47.943.354)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(5.118.100)
Phải trả ngắn hạn khác	(235.000.000)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần đã thanh lý	14.247.577.456
	<hr/>
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	7.727.118.628
	<hr/>
Giá bán	21.974.696.084
	<hr/>
Trừ: tiền của công ty con đã thanh lý	342.742.275
	<hr/>
Tiền thuần thu từ thanh lý công ty con	21.631.953.809
	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Tiền mặt	1.276.458.666	672.093.351
Tiền gửi ngân hàng	203.832.205.052	436.402.851.206
Tiền đang chuyển	915.820.000	-
Các khoản tương đương tiền	547.400.000.000	82.600.000.000
	753.424.483.718	519.674.944.557

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2017			1/7/2016		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	501.100	19.171.625.367	19.292.350.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	200.000	6.351.941.642	6.980.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	200.000	3.994.983.500	4.460.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	25.000	2.670.361.261	3.107.500.000	-	-	-
		32.188.911.770	33.839.850.000		-	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên Sở Giao dịch chứng khoán tại ngày báo cáo.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn từ hơn 3 tháng đến dưới 1 năm kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 6,0% đến 6,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 5,0% đến 6,8%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị ghi sổ là 171 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2016: 131 tỷ VND) (Thuyết minh 29).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Global Mind Commodities Trading Pte Ltd	237.957.244.000	4.561.786.800
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	145.529.601.422	6.006.658
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	61.845.590.787	174.154.194.588
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	51.389.456.475	136.069.815.000
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	36.892.800.000	61.562.172.000
Các khách hàng khác	277.574.352.786	156.160.108.548
	<hr/>	<hr/>
	811.189.045.470	532.514.083.594
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 705 tỷ VND (1/7/2016: 491 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	61.845.590.787	174.154.194.588
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hoá Sơn Tín	37.301.644.930	-
Công ty TNHH Hải Vi	10.115.171.864	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thuận Thiên)	8.946.913.393	26.620.550
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	7.365.062.997	8.534.465.784
Công ty Cổ phần Lộc Thổ	1.974.696.084	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	849.905.777	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Thành Công Gia Lai	161.365.884	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	35.140.000	709.500.000
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	15.572.500	-
	<hr/>	<hr/>
	128.611.064.216	183.424.780.922
	<hr/>	<hr/>

Phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	778.554.285.000	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	36.984.706.600	-
Trả trước cho nông dân trồng mía	277.989.912.091	251.132.103.444
Các nhà cung cấp khác	143.049.628.455	269.482.320.059
	1.236.578.532.146	520.614.423.503

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi theo lãi suất tháng là 0,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 0,8% đến 0,9%). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 năm đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong năm, Nhóm Công ty đã cán trừ 474 tỷ VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 449 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, trả trước cho người bán với giá trị ghi sổ là 102 tỷ VND (1/7/2016: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

(b) Trả trước cho người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.197.531.387.808	500.867.125.679
Dài hạn	39.047.144.338	19.747.297.824
	1.236.578.532.146	520.614.423.503

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(*) (**)	778.554.285.000	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	(**)	42.655.040.450	11.509.412.465
Công ty TNHH Hải Vi	(***)	34.455.683.676	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	(**)	29.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	(***)	1.214.000.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	(***)	405.670.445	112.668.750
		886.284.679.571	11.622.081.215

- (*) Khoản trả trước này chủ yếu bao gồm khoản trả trước để mua đường thô được sản xuất tại Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 31/2016-2017/NL/ĐBH ngày 19 tháng 5 năm 2017. Nhóm Công ty dự kiến tiến độ giao nhận hàng sẽ bắt đầu từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 3 năm 2018.
- (**) Khoản trả trước cho các bên liên quan này không được đảm bảo và hưởng lãi theo lãi suất năm từ 7,5% đến 9,0% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 7,5% đến 8,5%).
- (***) Khoản trả trước cho các bên liên quan này không được đảm bảo và không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	616.375.000.000	317.500.000.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	-	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	-	69.000.000.000
Khác	7.917.000.000	-
Phải thu về cho vay từ các bên thứ ba:		
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp		
Đặng Huỳnh	116.000.000.000	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	80.000.000.000
Khác	-	800.000.000
	740.292.000.000	590.300.000.000
Ngắn hạn	623.292.000.000	425.300.000.000
Dài hạn	117.000.000.000	165.000.000.000
	740.292.000.000	590.300.000.000

Phải thu về cho vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,0% đến 9,0% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: từ 8,5% đến 11,0%).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Đặt cọc thuê đất cho Công ty Cổ phần Lộc Thổ, một bên liên quan (*)	300.000.000.000	-
Tạm ứng thuê đất cho một nhân viên (**)	34.372.330.262	43.442.229.250
Tạm ứng cho người lao động	17.131.524.398	14.008.153.506
Phải thu lãi từ trả trước cho các bên liên quan	13.588.949.045	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	11.814.939.167	4.313.915.280
Phải thu lãi từ cho các khoản cho vay	7.196.731.633	1.698.678.473
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	6.902.245.679	2.772.106.575
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	101.430.000.000
Phải thu khác	15.892.635.912	14.605.229.531
	<hr/>	<hr/>
	406.899.356.096	182.270.312.615

- (*) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Lộc Thổ, một bên liên quan, bao gồm các khoản đặt cọc ngắn hạn để thuê đất trồng mía tại Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Hiện tại, Công ty và bên liên quan đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục và tài liệu pháp lý để ký kết hợp đồng thuê. Ban Tổng Giám đốc Công ty dự kiến sẽ hoàn tất hợp đồng thuê trước tháng 12 năm 2017. Khoản đặt cọc này không được đảm bảo và không hưởng lãi.
- (**) Khoản này chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc cho một nhân viên để thuê đất trồng mía tại Huyện Thành Long, Tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			1/7/2016			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Nợ quá hạn từ trả trước cho nông dân trồng mía								
Nguyễn Minh Đạt	1.913	3.873.149.384	(3.873.149.384)	-	1.548	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-
Nguyễn Văn Bình	1.548	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-	1.184	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-
Võ Thành Vinh	825	1.981.523.720	(1.387.066.604)	594.457.116	461	2.222.892.349	(1.111.446.175)	1.111.446.174
Lê Văn Hùng	1.548	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-	1.183	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-
Khác		12.106.361.845	(7.762.724.429)	4.343.637.416		7.644.036.827	(6.215.207.414)	1.428.829.413
		<u>22.782.467.147</u>	<u>(17.844.372.615)</u>	<u>4.938.094.532</u>		<u>19.441.510.758</u>	<u>(16.901.235.171)</u>	<u>2.540.275.587</u>
Nợ quá hạn từ phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH Phước Thịnh	2.038	999.809.072	(999.809.072)	-	1.673	999.809.072	(999.809.072)	-
Xí nghiệp Sản xuất Gia công								
Bao đay Đại Thắng	5.294	315.035.552	(315.035.552)	-	4.933	315.035.552	(315.035.552)	-
Khác		2.063.127.763	(2.056.652.763)	6.475.000		123.899.227	(123.899.227)	-
		<u>3.377.972.387</u>	<u>(3.371.497.387)</u>	<u>6.475.000</u>		<u>1.438.743.851</u>	<u>(1.438.743.851)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(21.215.870.002)</u>				<u>(18.339.979.022)</u>	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	66.222.742.923	52.256.152
Nguyên vật liệu	477.116.032.653	422.884.188.304
Công cụ và dụng cụ	22.382.892.299	17.232.294.991
Sản phẩm dở dang	243.708.362.322	63.251.848.847
Thành phẩm	1.028.975.657.589	871.805.731.516
Hàng hóa	269.584.621.747	26.167.258.588
Hàng gửi đi bán	13.572.230.000	10.851.319.367
	<hr/>	<hr/>
	2.121.562.539.533	1.412.244.897.765
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 1.468 tỷ VND (1/7/2016: 989 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Chi phí thuê đất trả trước ở Campuchia (*)	31.920.000.000	-
Chi phí trả trước cho mùa vụ sản xuất tiếp theo	54.525.478.763	21.047.003.529
Chi phí bảo trì tài sản cố định	2.362.041.576	3.540.076.234
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.338.444.107	4.035.818.259
	<hr/>	<hr/>
	95.145.964.446	28.622.898.022
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản này phản ánh tiền thuê đất tại Campuchia để trồng mía cho mùa vụ sản xuất tiếp theo.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát triển nông trường mía VND	Chi phí thuê đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	134.460.707.899	13.359.322.116	147.820.030.015
Tăng từ mua công ty con trong năm	750.451.704.231	-	804.762.483	751.256.466.714
Tăng trong năm	860.451.633	39.146.285.820	17.175.639.308	57.182.376.761
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	484.074.562	484.074.562
Phân bổ trong năm	(5.518.251.946)	(3.404.314.810)	(13.119.353.142)	(22.041.919.898)
Phân loại lại	-	(801.124.809)	801.124.809	-
Số dư cuối năm	745.793.903.918	169.401.554.100	19.505.570.136	934.701.028.154

Chi phí thuê đất trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm khoản tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Kim để xây nhà kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 125 tỷ VND (1/7/2016: 128 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	315.707.205.576	1.466.785.800.307	51.336.336.549	17.185.895.573	1.851.015.238.005
Tăng trong năm	33.100.000	56.396.368.425	3.010.435.637	4.196.577.562	63.636.481.624
Tăng từ mua công ty con trong năm	447.139.646.649	1.097.609.199.440	192.233.765.383	28.051.052	1.737.010.662.524
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	28.288.440.993	70.905.607.902	829.342.560	609.531.728	100.632.923.183
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	1.239.620.982	1.239.620.982
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(525.660.131)	-	-	(525.660.131)
Phân loại lại	(1.108.482.470)	1.108.482.470	-	-	-
Thanh lý	-	(9.824.678.798)	(5.862.344.790)	-	(15.687.023.588)
Xóa sổ	(2.210.955.310)	(3.203.763.390)	-	-	(5.414.718.700)
Giảm từ thanh lý công ty con	(814.116.029)	(555.550.266)	-	-	(1.369.666.295)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(3.172.692.870)	(4.375.312.501)	(730.970.904)	(776.608)	(8.279.752.883)
Số dư cuối năm	783.862.146.539	2.674.320.493.458	240.816.564.435	23.258.900.289	3.722.258.104.721

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	107.494.280.419	434.995.771.355	16.624.521.787	7.088.231.261	566.202.804.822
Khấu hao trong năm	23.730.258.885	139.290.165.761	7.423.070.140	2.486.284.848	172.929.779.634
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	181.828.980	181.828.980
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		(41.585.569)	-	-	(41.585.569)
Phân loại lại	(73.898.832)	73.898.832	-	-	-
Thanh lý	-	(4.659.266.701)	(2.996.357.428)	-	(7.655.624.129)
Xóa sổ	(1.797.124.995)	(2.972.936.869)	-	-	(4.770.061.864)
Giảm từ thanh lý công ty con	(565.571.188)	(555.550.266)	-	-	(1.121.121.454)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(580.494.920)	(1.217.458.010)	(221.645.040)	(687.026)	(2.020.284.996)
Số dư cuối năm	128.207.449.369	564.913.038.533	20.829.589.459	9.755.658.063	723.705.735.424
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	208.212.925.157	1.031.790.028.952	34.711.814.762	10.097.664.312	1.284.812.433.183
Số dư cuối năm	655.654.697.170	2.109.407.454.925	219.986.974.976	13.503.242.226	2.998.552.369.297

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 288.729 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: 186.648 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.945 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2016: 869 tỷ VND) (Thuyết minh 29).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	65.806.692.123
Tăng trong năm	7.118.660.543
	<hr/>
Số dư cuối năm	72.925.352.666
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.114.382.345
Khấu hao trong năm	4.550.367.208
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.664.749.553
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	63.692.309.778
Số dư cuối năm	66.260.603.113
	<hr/>

Nhóm Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối thời hạn thuê, Nhóm Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 29).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	27.648.065.199	3.544.271.167	3.165.421.399	34.357.757.765
Tăng trong năm	10.873.975.831	-	-	10.873.975.831
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(1.239.620.982)	(1.239.620.982)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.495.518.000	-	-	1.495.518.000
Giảm từ thanh lý công ty con	(1.167.385.487)	(717.654.125)	-	(1.885.039.612)
Số dư cuối năm	38.850.173.543	2.826.617.042	1.925.800.417	43.602.591.002
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9.960.597.665	3.228.615.108	1.223.574.483	14.412.787.256
Khấu hao trong năm	1.249.446.287	45.339.108	550.650.064	1.845.435.459
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-	(181.828.980)	(181.828.980)
Giảm từ thanh lý công ty con	(1.167.385.487)	(504.845.636)	-	(1.672.231.123)
Số dư cuối năm	10.042.658.465	2.769.108.580	1.592.395.567	14.404.162.612
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	17.687.467.534	315.656.059	1.941.846.916	19.944.970.509
Số dư cuối năm	28.807.515.078	57.508.462	333.404.850	29.198.428.390

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 11.199 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/7/2016: 9.752 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	17.560.643.130	42.533.352.370	60.093.995.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	292.677.386	708.889.206	1.001.566.592
Khấu hao trong năm	878.032.157	2.126.667.619	3.004.699.776
Số dư cuối năm	1.170.709.543	2.835.556.825	4.006.266.368
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	17.267.965.744	41.824.463.164	59.092.428.908
Số dư cuối năm	16.389.933.587	39.697.795.545	56.087.729.132

Bất động sản đầu tư của Nhóm Công ty là tòa nhà văn phòng tại Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 56 tỷ VND (1/7/2016: 59 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	120.567.157.794	129.151.868.730
Tăng từ mua công ty con	42.051.732.890	159.671.420.226
Tăng trong năm	144.289.158.673	114.980.385.421
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(100.632.923.183)	(272.041.350.781)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.495.518.000)	(5.859.420.182)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(5.335.745.620)
Chuyển sang chi phí trả trước	(3.064.941.601)	-
Giảm khác	(2.608.992.524)	-
Số dư cuối năm	199.105.674.049	120.567.157.794

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án nhà máy điện mặt trời Thành Long (**)	23.512.406.107	23.512.406.107
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trụ sở chính	29.011.541.433	14.293.455.545
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nông trường Thành Long	17.797.167.705	19.611.420.423
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Trị An	5.171.291.015	8.845.623.334
Xây dựng cơ bản dở dang tại Ninh Hòa và Phan Rang	22.420.340.084	7.807.357.706
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Tây Ninh	4.259.142.480	829.342.560
Xây dựng cơ bản dở dang tại Lào	43.115.581.946	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	14.135.826.724	5.985.175.564
	199.105.674.049	120.567.157.794

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án này với giá trị chuyển nhượng là 2.026.740 USD và bên mua đã ứng trước 1.621.392 USD cho Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành do có sự thay đổi trong các luật và quy định của Campuchia, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính hợp nhất này (Thuyết minh 28).

(**) Trong năm, Hội đồng Quản trị quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư “Dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời Thành Long” thay thế cho dự án “Cụm Công nghiệp chế biến Tây Sông Vàm Cỏ”.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 19 tỷ VND (1/7/2016: 19 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017				1/7/2016					
	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty liên kết:										
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	1.140.000	38,00%	10.962.326.460	-	(*)	1.140.000	38,00%	11.306.092.064	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	12.703.166	43,20%	179.275.844.820	-	(*)	7.789.310	26,49%	84.802.004.255	-	(*)
			190.238.171.280	-				96.108.096.319	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác:										
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.778.355	13,08%	17.360.136.000	-	(*)	1.185.570	13,08%	11.432.286.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (**)	-	-	-	-		12.234.472	6,59%	181.279.368.734	-	381.715.526.400
▪ Công ty TNHH Hải Vi		1,00%	220.000.000	-			-	-	-	
			17.580.136.000	-				192.711.654.734	-	
			207.818.307.280	-				288.819.751.053	-	

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa trên Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày báo cáo.



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	96.108.096.319	7.133.049.000
Tăng từ mua công ty con	-	4.200.000.000
Tăng trong năm	80.095.852.800	79.450.962.000
Biến động giá trị tài sản thuần thuộc về Nhóm Công ty	-	(55.817.629)
Phần lãi trong các công ty liên kết	14.034.222.161	5.379.902.948
Số dư cuối năm	190.238.171.280	96.108.096.319

Biến động các khoản đầu tư vốn dài hạn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	192.711.654.734	77.704.479.384
Tăng từ mua công ty con	-	283.939.586.400
Tăng trong năm	5.927.850.000	11.432.286.000
Chuyển từ đầu tư vào công ty con	220.000.000	(10.441.927.350)
Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dài hạn	-	(49.000.000.000)
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	-	(8.564.129.700)
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (*)	(181.279.368.734)	-
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	(103.358.640.000)
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	-	(9.000.000.000)
Số dư cuối năm	17.580.136.000	192.711.654.734

(*) Trong năm, Nhóm Công ty đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh. Giao dịch được tóm tắt như sau:

	VND
Giá bán	362.056.357.600
Giá vốn khoản đầu tư	(181.279.368.734)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	180.776.988.866

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	-	12.124.335.245
Tăng trong năm	-	5.547.723.589
Hoàn nhập trong năm	-	(10.922.058.834)
Sử dụng trong năm	-	(6.750.000.000)
Số dư cuối năm	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản đầu tư vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 1.828.727 triệu VND (1/7/2016: 1.030.727 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 29).

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	30/06/2017 VND	1/7/2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.962.348.729	2.632.811.532
Chi phí phải trả và dự phòng	5.603.621.099	1.928.703.378
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.565.969.828	4.561.514.910
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(4.657.942.700)	-
Chi phí trả trước dài hạn	(44.972.635.047)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(114.285.204.480)	(3.352.380.800)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(163.915.782.227)	(3.352.380.800)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) thuần	(154.349.812.399)	1.209.134.110

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2017	1/7/2016
	Chênh lệch	Chênh lệch
	tạm thời	tạm thời
	VND	VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	57.217.476.110	-
Lỗi tính thuế	871.174.059.079	-
	928.391.535.189	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được
		khấu trừ
		VND
2021	Chưa quyết toán	562.296.107.493
2022	Chưa quyết toán	308.877.951.586
		871.174.059.079

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/7/2016	Ghi nhận trong	Tăng	30/6/2017
	VND	báo cáo kết quả	do hợp nhất	VND
		hoạt động kinh	kinh doanh	
		doanh hợp nhất	VND	
		VND		
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.632.811.532	1.329.537.197	-	3.962.348.729
Chi phí phải trả và dự phòng	1.928.703.378	3.674.917.721	-	5.603.621.099
Tài sản cố định	-	-	(4.657.942.700)	(4.657.942.700)
Chi phí trả trước dài hạn	-	-	(44.972.635.047)	(44.972.635.047)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.352.380.800)	(2.325.222.902)	(108.607.600.778)	(114.285.204.480)
	1.209.134.110	2.679.232.016	(158.238.178.525)	(154.349.812.399)

23. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	62.176.075.966
Tăng từ mua công ty con	399.383.695.287
Giảm từ thanh lý công ty con	(21.813.192.278)
Số dư cuối năm	439.746.578.975
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	16.995.954.960
Phân bổ trong năm	8.694.101.499
Giảm từ thanh lý công ty con	(14.087.686.681)
Số dư cuối năm	11.602.369.778
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	45.180.121.006
Số dư cuối năm	428.144.209.197

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/7/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	90.269.291.682	220.671.267.055
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Thành Công Gia Lai	69.245.782.317	53.200.900.000
Global Mind Commodities Trading Pte Ltd	46.889.678.096	-
Các nhà cung cấp khác	148.824.597.077	102.047.548.253
	355.229.349.172	375.919.715.308

Không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 7 năm 2016.

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	90.269.291.682	220.671.267.055
Công ty TNHH Một Thành Viên Thành Thành Công Gia Lai	69.245.782.317	53.200.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	13.898.326.372	2.469.160.491
Công ty TNHH Hải Vi	12.240.475.675	-
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	9.919.313.020	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	2.382.064.800	1.703.896.800
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	163.126.530	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	75.240.000	10.000.000
	198.193.620.396	278.055.224.346

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Người mua trả tiền trước

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	4.654.194.000	1.445.195.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	85.937.153.059	-
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	-	2.654.945.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	-	994.279.859
	<hr/>	<hr/>
	135.591.347.059	5.094.419.859

Khoản nhận trả trước từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 8% trong năm (1/7/2016: không).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/7/2016 VND	Tăng từ mua công ty con VND	Giảm từ thanh lý công ty con VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/Cần trừ/ Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.291.140.705	-	-	58.395.207.759	(30.787.858.047)	39.898.490.417
Thuế giá trị gia tăng	1.755.497.642	-	-	338.863.183.640	(339.071.895.378)	1.546.785.904
Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu	-	-	-	19.915.012.249	(19.915.012.249)	-
Thuế tiêu thu đặc biệt	-	-	-	2.888.015	(2.888.015)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	20.944.480.755	(20.944.480.755)	-
Thuế thu nhập cá nhân	130.549.822	42.024.434	-	6.022.083.934	(5.199.942.283)	994.715.907
Các loại thuế khác	5.284.312	-	(47.943.354)	4.453.169.355	(4.163.990.086)	246.520.227
	14.182.472.481	42.024.434	(47.943.354)	448.596.025.707	(420.086.066.813)	42.686.512.455

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/7/2016 VND	Tăng từ mua công ty con VND	Giảm từ thanh lý công ty con VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn lại/Phân loại lại VND	30/6/2017 VND
Thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.960.109	-	-	-	1.187.197.982	1.199.158.091
Các loại thuế khác	1.284.020.839	-	(684.021.000)	171.676.324	(259.785.630)	511.890.533
	1.295.980.948	-	(684.021.000)	171.676.324	927.412.352	1.711.048.624

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	32.350.566.335	18.810.928.781
Chi phí lãi vay	73.504.161.815	7.778.194.519
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.747.841.385	6.443.055.152
Chi phí vận chuyển	3.425.635.590	1.224.310.226
Chi phí chiết khấu và khuyến mãi	6.080.943.133	-
Chi phí khác	24.539.678.691	9.057.179.083
	151.648.826.949	43.313.667.761

28. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	33.172.706.250
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan	61.431.200.833	-
Lãi vay phải trả các bên liên quan khác	1.105.883.543	-
Chi phí tiền lương và công tác phí cho nhân viên bán hàng	2.638.086.000	2.112.986.157
Cổ tức phải trả	4.596.344.300	4.630.795.700
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	1.543.971.001	326.439.185
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.315.400.000	1.395.961.625
Phải trả cho nông dân trồng mía	8.276.407.358	5.988.942.248
Tạm ứng từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	-	20.000.000.000
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	3.917.392.948
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	6.450.175.000
Các khoản phải trả khác	17.047.638.790	5.928.242.396
	131.127.638.075	83.923.641.509

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để mua dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/7/2016 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng từ mua công ty con VND	Biến động trong năm		30/6/2017 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
			Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	
Vay ngắn hạn	2.330.822.426.279	215.081.080.350	7.899.517.775.154	(6.477.582.783.379)	3.967.838.498.404
Vay dài hạn đến hạn trả	81.380.719.333	775.967.840.000	105.015.822.951	(81.619.563.070)	880.744.819.214
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	100.000.000.000	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	100.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	12.481.232.654	-	22.324.411.853	(14.583.878.506)	20.221.766.001
	2.524.684.378.266	991.048.920.350	8.126.858.009.958	(6.673.786.224.955)	4.968.805.083.619

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Đơn vị	Loại tiền	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp		Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	VND	498.139.688.916	644.946.400.045	Hàng tồn kho	100.000.000.000	-
					Tài sản cố định hữu hình	232.202.790.141	265.218.482.565
					Xây dựng cơ bản dở dang	17.713.895.162	17.928.523.330
Khoản vay 2 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	USD	202.307.123.700	-	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1		
Khoản vay 3 từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	967.150.796.038	279.698.206.982	Phải thu của khách hàng	150.000.000.000	97.828.000.000
					Hàng tồn kho	150.000.000.000	130.000.000.000
Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	41.526.457.297	160.834.936.032	Phải thu của khách hàng	170.775.000.000	167.550.000.000
					Hàng tồn kho	170.775.000.000	167.550.000.000
Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	USD	95.918.625.000	-	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 4		
Khoản vay 6 từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	148.206.293.547	141.184.013.449	Không được đảm bảo	-	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp		Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 7 từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	VND	69.435.582.229	99.448.669.652	Hàng tồn kho	100.000.000.000	100.000.000.000
Khoản vay 8 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	54.399.728.225	54.689.824.271	Phải thu của khách hàng	50.000.000.000	50.000.000.000
Khoản vay 9 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội	BHS	VND	45.114.175.253	44.955.011.263	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 8		
Khoản vay 10 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	BHS	VND	59.520.350.785	51.596.232.568	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 11 từ Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	89.899.120.699	1.051.148.343	Hàng tồn kho	136.620.000.000	100.530.000.000
Khoản vay 12 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	48.193.169.101	-	Hàng tồn kho	150.000.000.000	-
Khoản vay 13 từ Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	44.000.000.000	-	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 14 từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	100.000.000.000	-	Không được đảm bảo	-	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
						30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 15 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	USD	63.756.000.000		- Phải thu của khách hàng	136.620.000.000	-
Khoản vay 16 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	24.915.028.762		- Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 15		
Khoản vay 17 từ Ngân hàng Mizuho Corporate Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	181.095.195.233		- Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 18 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	NHS	VND	135.751.875.060	42.924.581.254	Phải thu của khách hàng	54.608.771.110	39.000.000.000
					Hàng tồn kho	88.000.000.000	88.000.000.000
Khoản vay 19 từ Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	NHS	VND	59.876.743.129	119.917.376.019	Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000.000	-
					Đầu tư tài chính dài hạn	-	109.000.000.000
Khoản vay 20 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	NHS	VND	199.968.545.800	168.791.285.322	Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.000.000.000	82.000.000.000
					Tài sản cố định hữu hình	6.970.667.812	6.992.262.001

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền			Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 21 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	NHS	VND	283.121.308.425	231.212.205.884	Hàng tồn kho	300.000.000.000	300.000.000.000
					Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.000.000.000	49.000.000.000
Khoản vay 22 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	NHS	VND	67.313.821.804	110.000.000.000	Phải thu của khách hàng	27.078.263.823	27.078.263.823
					Hàng tồn kho	68.750.000.000	68.750.000.000
Khoản vay 23 từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	NHS	VND	39.337.055.260	36.439.306.036	Được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thành Thành Công, một bên liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 100 tỷ VND	-	-
Khoản vay 24 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	NHS	VND	99.544.925.000		Hàng tồn kho	143.000.000.000	-
					Chi phí trả trước dài hạn	101.977.945.555	-
Khoản vay 25 từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Khánh Hòa	NHS	VND	33.052.320.000		Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 26 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	68.889.677.700	57.715.016.200	Tài sản cố định hữu hình	68.417.000.000	73.000.700.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	Số dư		Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 27 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	12.000.000.000	-	Tài sản cố định hữu hình	4.017.000.000	3.525.000.000
Khoản vay 28 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	20.000.000.000	-	Phải thu của khách hàng	36.778.000.000	-
					Hàng tồn kho	43.130.000.000	-
Khoản vay 29 từ Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu	Attapeu	USD	215.404.891.441	-	Hàng tồn kho	18.031.389.821	-
					Tài sản cố định hữu hình	1.026.016.261	-
					Khách sạn Hoàng Anh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	-	-
Khoản vay 30 từ Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	-	32.618.212.959	Phải thu của khách hàng	-	44.680.000.000
Khoản vay 31 từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Khánh Hòa	NHS	VND	-	32.800.000.000	Phải thu của khách hàng	-	22.000.000.000
					Hàng tồn kho	-	33.000.000.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp		Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
			30/6/2017 VND	1/7/2016 VND		30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 32 từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	NHS	VND	-	20.000.000.000	Không được đảm bảo	-	-
			<u>3.967.838.498.404</u>	<u>2.330.822.426.279</u>			

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt là từ 4,9% đến 6,1% (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 3,2% đến 6,8%) và từ 2,4% đến 2,5% (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 2,5%) trong năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	1.517.425.583.636	282.217.411.305
Trái phiếu thường (ii)	1.027.412.533.329	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính (iii)	57.724.450.120	47.557.863.293
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.602.562.567.085	829.775.274.598
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	(1.000.966.585.215)	(193.861.951.987)
	<hr/>	<hr/>
	1.601.595.981.870	635.913.322.611
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Đơn vị	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
							30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk	BHS	VND	2023	76.667.000.000	80.000.000.000	Chi phí trả trước dài hạn	117.850.665.217	120.559.875.913
Khoản vay 2 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk	BHS	VND	2022	14.285.853.942	14.519.689.322	Tài sản cố định hữu hình	20.631.403.356	25.582.940.160
						Xây dựng cơ bản dở dang	1.282.738.976	1.143.472.040
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	BHS	VND	2020	5.230.027.400	7.242.998.200	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 4 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	VND	2018	3.682.120.640	6.138.120.640	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1		
Khoản vay 5 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	VND	2019	9.755.050.288	5.216.121.768	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1		
Khoản vay 6 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	VND	2017	-	6.924.386.602	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 1		

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
							30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 7 từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	2019	11.325.300.000	-	Tài sản cố định hữu hình	17.628.024.332	-
Khoản vay 8 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	NHS	VND	2018	46.688.693.921	84.039.649.081	Tài sản cố định hữu hình	117.672.906.884	150.145.199.726
						Chi phí trả trước dài hạn	6.770.195.442	7.076.770.326
Khoản vay 9 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Khánh Hòa	NHS	VND	2021	51.408.000.000	45.900.000.000	Tài sản cố định hữu hình	129.887.908.961	147.643.083.950
Khoản vay 10 từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2018	1.028.718.600	3.028.718.600	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 27		
Khoản vay 11 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2018	4.756.000.000	11.891.500.000	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 28		
Khoản vay 12 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2020	1.663.166.074	3.111.166.074	Chung tài sản thế chấp với khoản vay dài hạn 28		

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
							30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Khoản vay 13 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2020	1.435.756.550	2.195.756.550	Chung tài sản thế chấp với khoản vay dài hạn 28		
Khoản vay 14 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2020	78.500.000	140.000.000	Chung tài sản thế chấp với khoản vay dài hạn 28		
Khoản vay 15 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2019	2.151.196.927		- Chung tài sản thế chấp với khoản vay dài hạn 28		
Khoản vay 16 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2021	1.463.000.000		- Chung tài sản thế chấp với khoản vay dài hạn 28		
Khoản vay 17 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	Attapeu	USD	2023	569.237.199.294		- Tài sản cố định hữu hình	1.163.581.575.850	-
Khoản vay 18 từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan	TTC Attapeu	VND	2018	713.570.000.000		- Không được đảm bảo	-	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Đơn vị	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017	1/7/2016	Loại tài sản thế chấp	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp	
				VND	VND		30/6/2017	1/7/2016
							VND	VND
Khoản vay 19 từ Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh, một bên liên quan	TTC Attapeu	VND	2017	3.000.000.000	-	Không được đảm bảo	-	-
Khoản vay 20 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2017	-	412.750.000	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 28		
Khoản vay 21 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận	PRS	VND	2017	-	418.032.500	Chung tài sản thế chấp với khoản vay ngắn hạn 28		
Khoản vay 22 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	BHS	VND	2018	-	11.038.521.968	Không được đảm bảo	-	-
				1.517.425.583.636	282.217.411.305			
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(880.744.819.214)	(81.380.719.339)			
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				636.680.764.422	200.836.691.966			

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 3,9% đến 10,0% (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 3,9% đến 10,0%) và từ 2,4% đến 2,5% (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 2,5%) trong năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Đơn vị	Loại tiền	Năm đáo hạn	Giá trị ghi sổ tài sản thế chấp				
				30/6/2017 VND	1/7/2016 VND			
Trái phiếu thường phát hành theo mệnh giá:								
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	BHS	VND	2021	397.023.333.329	500.000.000.000	Tài sản cố định hữu hình	183.405.701.241	193.324.421.396
						Bất động sản đầu tư	56.087.729.132	59.092.428.908
						Đầu tư tài chính dài hạn	1.030.726.951.350	1.030.726.951.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	BHS	VND	2023	630.389.200.000	-	Đầu tư tài chính dài hạn	798.000.000.000	-
				1.027.412.533.329	500.000.000.000			
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(100.000.000.000)	(100.000.000.000)			
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				927.412.533.329	400.000.000.000			

Trái phiếu thường chịu lãi suất năm từ 8,5% đến 9,95% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 8,5%).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Nợ thuê tài chính

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Nợ phải trả Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1	VND	9,7%	2020	28.046.759.214	36.418.926.144
Nợ phải trả Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	8,0% - 8,4%	2018	3.207.184.085	3.758.856.191
Khoản vay 2	VND	7,6% - 8,0%	2018	3.822.687.336	7.380.080.958
Khoản vay 3	VND	7,6%	2019	1.387.366.773	-
Khoản vay 4	VND	7,6%	2019	16.345.661.101	-
Khoản vay 5	VND	8,3%	2020	4.914.791.611	-
				57.724.450.120	47.557.863.293

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	24.272.874.189	4.051.108.188	20.221.766.001
Trong vòng hai đến năm năm	40.943.803.727	3.441.119.606	37.502.684.119
		65.216.677.916	7.492.227.794
	1/7/2016		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.239.602.719	3.758.370.071	12.481.232.648
Trong vòng hai đến năm năm	39.826.966.920	4.750.336.275	35.076.630.645
		56.066.569.639	8.508.706.346

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Số dư đầu năm	33.705.618.044	5.995.875.091
Tăng từ mua công ty con	-	9.254.700.719
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	41.019.939.323	48.026.813.352
Phân loại lại từ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	-
Sử dụng quỹ trong năm	(29.117.669.710)	(29.571.771.118)
Giảm từ thanh lý công ty con	(5.118.100)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	49.520.162.505	33.705.618.044

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	629.949.180.000	39.817.240.000	-	144.497.938.660	-	99.427.217.215	-	913.691.575.875
Phát hành cổ phiếu	665.162.800.000	421.895.460.000	-	-	-	-	-	1.087.058.260.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	247.928.487.392	371.875.300	248.300.362.692
Cổ tức	-	-	-	-	-	(61.671.999.000)	-	(61.671.999.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	20.449.042.234	-	(20.449.042.234)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(48.026.813.352)	-	(48.026.813.352)
Phân bổ vào kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Trích tiền thưởng vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Góp vốn vào công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	5.808.567.130	5.808.567.130
Ảnh hưởng của việc tăng khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	(408.518.594)	(208.331.406)	(616.850.000)
Biến động tài sản thuần được chia trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	(55.817.629)	-	(55.817.629)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	336.806.622	-	-	-	-	336.806.622
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	1.295.111.980.000	461.712.700.000	336.806.622	164.946.980.894	-	209.743.513.798	8.372.111.024	2.140.224.092.338

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	1.295.111.980.000	461.712.700.000	336.806.622	164.946.980.894	-	209.743.513.798	8.372.111.024	2.140.224.092.338
Phát hành cổ phiếu	1.295.111.980.000	(332.887.000)	-	-	-	-	-	1.294.779.093.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	388.520.530.000	(388.520.530.000)	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	303.488.413.596	(10.098.721.508)	293.389.692.088
Cổ tức trả cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(444.733.200)	(444.733.200)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	44.834.986.146	13.000.000.000	(57.737.348.155)	(97.637.991)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(40.920.947.806)	(98.991.517)	(41.019.939.323)
Phân loại lại từ kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	-	-	-	-	6.450.175.000	-	-	6.450.175.000
Ảnh hưởng của việc tăng khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	(1.277.011.039)	(839.670.238)	(2.116.681.277)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	265.744.203.142	265.744.203.142
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	(4.013.363.753)	-	-	-	-	(4.013.363.753)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.193.000.000)	-	-	(1.193.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.978.744.490.000	72.859.283.000	(3.676.557.131)	209.781.967.040	18.257.175.000	413.296.620.394	262.536.559.712	3.951.799.538.015

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/7/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	297.874.449	2.978.744.490.000	129.511.198	1.295.111.980.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	297.874.449	2.978.744.490.000	129.511.198	1.295.111.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2017		Năm kết thúc 30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm để mua lại một công ty con	-	-	60.349.080	603.490.800.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền	129.511.198	1.295.111.980.000	6.167.200	61.672.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	38.852.053	388.520.530.000	-	-
Số dư cuối năm	297.874.449	2.978.744.490.000	129.511.198	1.295.111.980.000

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2016, Đại hội Cổ đông Bất thường của Công ty đã thông qua phương án phát hành 38.852.053 cổ phiếu theo mệnh giá để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và phát hành 129.511.198 cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 23 tháng 8 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu này vào ngày 4 tháng 5 năm 2017.

33. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích chi trả kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

35. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.114.786.325	4.507.437.145
Từ hai đến năm năm	25.914.779.303	12.220.846.356
Sau năm năm	158.033.962.677	59.938.106.161
	191.063.528.305	76.666.389.662

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	944.672.338.243	124.882.484.274
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	188.729.989.704	205.205.820.197
	1.133.402.327.947	330.088.304.471

(c) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	30/6/2017	1/7/2016
	VND	VND
Nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba	155.171.502.014	12.380.131.533

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/7/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	414.830	9.309.215.353	610.980	13.647.326.481
EUR	250	6.450.153	250	6.177.750
LAK	413.807.220	1.104.865.277	-	-
		10.420.530.783		13.653.504.231

(e) Nợ khó đòi đã xử lý

	Xóa sổ trong năm	30/6/2017 VND	1/7/2016 VND
Phải thu từ khách hàng	Trước 2006	758.295.202	758.295.202
Phải thu từ khách hàng	2006	203.769.039	203.769.039
Phải thu từ khách hàng	2007	1.034.299.060	1.034.299.060
Phải thu từ khách hàng	2008	252.770.900	252.770.900
Phải thu từ nông dân trồng mía	2009	70.095.481	70.095.481
Phải thu từ khách hàng	2011	164.641.794	164.641.794
Phải thu từ nông dân trồng mía	2012	7.667.321.445	7.881.573.485
Phải thu từ khách hàng	2014	46.300.961	46.300.961
Phải thu từ nông dân trồng mía	2016	639.049.500	639.049.500
Phải thu từ khách hàng	2016	87.015.060	87.015.060
		10.923.558.442	11.137.810.482

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	5.319.439.519.176	4.337.621.910.679
▪ Bán điện	49.814.025.962	39.402.841.024
▪ Cung cấp dịch vụ	16.259.271.389	11.279.821.419
▪ Cho thuê tài sản	7.234.997.449	-
	<hr/> 5.392.747.813.976	<hr/> 4.388.304.573.122
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	42.052.074.792	17.550.158.073
▪ Hàng bán bị trả lại	3.286.992.610	1.938.361.066
▪ Giảm giá hàng bán	136.677.223	2.529.457.503
	<hr/> 45.475.744.625	<hr/> 22.017.976.642
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 5.347.272.069.351	<hr/> <hr/> 4.366.286.596.480

37. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	4.650.347.924.485	3.727.167.964.715
▪ Điện đã cung cấp	40.922.121.117	31.471.558.024
▪ Dịch vụ đã cung cấp	10.360.742.879	5.555.060.335
▪ Chi phí tài sản thuê	7.501.530.843	-
	<hr/> 4.709.132.319.324	<hr/> 3.764.194.583.074

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	19.879.494.982	4.105.743.523
Lãi từ trả trước cho nông dân trồng mía	22.042.161.700	14.766.699.460
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các đơn vị khác vay	72.174.590.324	41.926.512.921
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	4.900.793.388	3.428.328.226
Thu nhập cổ tức	423.418.000	627.704.000
Lãi từ thanh lý công ty con	7.727.118.628	-
Lãi từ thanh lý đầu tư vào các đơn vị khác	180.776.988.866	-
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	1.374.009.017	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.713.016.683	1.069.005.435
Lãi từ hợp nhất kinh doanh	-	2.169.648.650
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.568.705.101	-
	313.011.591.588	68.093.642.215

39. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	222.660.666.340	112.614.495.163
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	5.547.723.589
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(10.922.058.834)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	-	1.928.640.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.986.133.763	9.028.583.755
Chi phí tài chính khác	5.402.726.839	5.544.278.593
	237.049.526.942	123.741.662.266

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	67.224.376.166	36.745.290.747
Công cụ và dụng cụ	3.117.967.743	1.669.821.862
Khấu hao và phân bổ	1.859.376.462	2.008.861.693
Chi phí vận chuyển	56.938.248.122	47.407.062.150
Chi phí hỗ trợ bán hàng	32.124.665.386	11.212.920.005
Chi phí khác	14.157.377.942	7.147.565.967
	175.422.011.821	106.191.522.424

41. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	105.605.949.606	84.561.732.599
Công cụ và dụng cụ	2.451.888.651	3.539.718.705
Văn phòng phẩm	2.310.745.958	2.309.447.893
Khấu hao và phân bổ	10.785.847.872	12.395.406.006
Thuế và lệ phí	570.670.644	936.370.475
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.086.559.022	6.039.287.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.367.790.230	15.721.960.106
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.115.625.000	1.580.575.000
Chi phí khác	42.213.015.988	27.790.351.526
	204.508.092.971	154.874.850.106

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

42. Thu nhập khác

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.282.381.935	6.851.282.353
Tiền thu được các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ	198.199.518	398.819.886
Bồi thường nhận được	277.931.663	259.440.369
Thu nhập khác	3.077.111.087	1.766.790.429
	5.835.624.203	9.276.333.037

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.577.692.019.081	3.459.937.650.709
Chi phí nhân công và nhân viên	301.040.884.803	232.255.774.453
Chi phí khấu hao và phân bổ	182.330.282.077	127.365.426.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.399.924.130	95.847.558.398
Chi phí khác	209.591.840.624	113.627.274.962

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

44. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	59.306.770.407	50.399.875.723
Dự phòng thừa trong những năm trước	(909.964.148)	(1.112.240.670)
	58.396.806.259	49.287.635.053
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(2.679.232.016)	(1.500.773.873)
	55.717.574.243	47.786.861.180

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	349.107.266.331	296.087.223.872
	69.821.453.266	62.178.317.013
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	69.821.453.266	62.178.317.013
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	1.137.076.750
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho các công ty con	(34.426.718.632)	(12.189.813.145)
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho thu nhập khác	21.677.776.783	3.819.109.706
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.046.304.951	1.413.796.746
Thu nhập không chịu thuế	(2.960.281.152)	(2.535.690.733)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(2.406.636.724)	(4.481.702.772)
Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.875.639.899	(441.991.715)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(909.964.148)	(1.112.240.670)
	55.717.574.243	47.786.861.180

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngoài ra, theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

(ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến sản nông sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

(iii) Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Biên Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(iv) Công ty TNHH Một Thành Viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến sản nông sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt là 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(v) Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Ninh Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế cho đến năm 2028 và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, công ty con được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt là 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(vi) Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(vii) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định phù hợp với các hướng dẫn và quy định có liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp tại Singapore.

(viii) Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(ix) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu

Công ty con tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 24% trên thu nhập tính thuế. Công ty con này được hưởng ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các luật thuế hiện hành. Theo đó, đối với hoạt động trồng mía và sản xuất đường, công ty con được miễn thuế thu nhập trong 7 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2013) và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong những năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 192.136.539 (năm kết thúc ngày 30/6/2016: 134.194.889), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	303.488.413.596	247.928.487.392
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(41.375.815.518)	(36.102.261.239)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	262.112.598.078	211.826.226.153

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND (điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	129.511.198	62.994.918
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành để mua công ty con trong năm	-	40.012.267
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành bằng tiền mặt trong năm	23.418.463	219.653
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành trong tháng 4 năm 2017	38.852.053	30.968.051
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	192.136.539	134.194.889

Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại để phản ánh ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng đã phát hành trong tháng 4 năm 2017.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

46. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty để mua một công ty con	-	1.025.934.360.000
Trích trước chi phí phát hành cổ phiếu phổ thông	-	67.100.000
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	454.280.787.842	440.020.689.882
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	19.448.814.280	9.440.751.168
Khấu hao vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	2.709.210.696	1.354.605.347
Mua xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	-	31.029.463.381
Tài sản cố định nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	26.205.786.493	7.988.532.728
Thanh lý các khoản đầu tư nhưng chưa thu tiền	-	101.430.000.000

47. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc 30/6/2017 VND	Năm kết thúc 30/6/2016 VND
Các cổ đông lớn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	332.256.714.690	270.894.187.237
Mua hàng hóa và dịch vụ	102.303.177.117	54.575.162.469
Thu nhập từ trả trước cho người bán	1.763.778.100	-
Cho vay	597.000.000.000	299.900.000.000
Thu nhập lãi cho vay	31.529.785.392	13.052.337.993
Vay	53.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	7.106.152.813	1.263.932.528
Phân phối cổ tức	-	17.048.494.000
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam		
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thuận Thiên)		
Bán hàng hóa và dịch vụ	37.203.273.414	85.068.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	74.206.704.840	72.392.350.255
Khách hàng trả tiền trước	45.000.000.000	-
Phân phối cổ tức	-	5.042.686.000
Mua cổ phiếu	-	3.599.070.000
Thu nhập lãi cho vay	2.734.352.258	3.959.877.156
Chi phí lãi vay	1.160.000.000	-
Cho vay	-	76.000.000.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	394.801.235.594	683.433.169.102
Mua hàng hóa và dịch vụ	177.486.494.873	604.931.396.384
Phân phối cổ tức	-	10.465.910.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	4.714.367.401	-
Vay	3.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	20.000.000	1.607.444.445
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	976.158.336
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai		
Bán hàng hóa và dịch vụ	215.897.150	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	473.696.059.477	-
Mua tài sản cố định	100.000.000	-
Chi phí lãi vay	685.216.875	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.894.028	7.596.475
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.057.847.113	1.256.315.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.799.051.186	3.367.171.711
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.014.005.900	2.707.236.332
Thu nhập lãi cho vay	3.101.847.220	6.202.083.338
Chiết khấu bán hàng	298.602.079	-
Công ty TNHH Hải Vi		
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.163.128.820	30.000.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	10.476.026.050	7.373.787.875
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín		
Bán hàng hóa và dịch vụ	162.449.676.124	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	136.034.167.224	-
Thu nhập từ trả trước cho người bán	11.971.084.245	-
Chi phí lãi vay	818.323.633	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Bán hàng hóa và dịch vụ	171.409.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	69.721.363	-
Thu nhập từ trả trước cho người bán	95.861.111	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.491.312.858	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	19.352.381	-
Công ty Cổ phần Lộc Thổ		
Thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con	21.974.696.084	-
Đặt cọc thuê đất	300.000.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao	1.744.425.000	1.580.575.000
Tiền lương và thưởng	15.151.791.728	9.968.712.693

48. Các sự kiện sau niên độ

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua nghị quyết phê duyệt việc hoán đổi cổ phiếu với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh theo tỷ lệ hoán đổi là 1:1,02 và hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty. Ngày 7 tháng 6 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh theo nghị quyết của các cổ đông. Ngày 25 tháng 7 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty và đã có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2017.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Ngô Thị Thanh Hằng
Kế toán trưởng

Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc thường trực